

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

ECO ALLFLEXDOT 4X31A

ECOFLEXDOT

Găng tay an toàn có độ **khéo léo và** độ nhạ y
a cho như n , đg **thao tác tinh** t ừ vật l iệu **tái** ch ế

Găng tay ECO ALLFLEXDOT độ 87%, t nitrile và các chấm bám giúp tăng độ khéo léo và độ chính xác khi làm việ c trong điều k iệ n khô ráo.

lót	i polyamide dày 15 gauge (87% tái hoặ / latex
áo l	T NITRILE / BỌ HẤM NITRILE
Loạ i	Chức năng màn hình cảm ứng TSF, SIF không chứa silicone
Phạm vi kích thước	EU 6-12
ng lượng 1 thép	0.021 kg
ẩn hóa u chu	ANSI/ISEA 105:2016 : A1 2 3 EN ISO 21420:2020 EN 388:2016 : 4 X 3 1 A

CE | ANSI/ISEA | 15G | DMF FREE PU | LATEX FREE | SILICONE FREE

ất

EN ISO 21420 EN 388:2016



ộ bền xé (Newton)

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Hoá h u cầu b , Khai thác m ỏ , Dầu khi, chiế n
ng n ghiệu p , Xây dự n g, Biên t ập



BLK

mức độ hiệu s

EN388:2016	0	1	2	3	4	5
a. Khả **năng** chống **mài mòn** (lượt)	< 100	100	500	2000	8000	-
b. Khả **năng** chống **ghép** nối)	< 1.2	1.2	2.5	5.0	10.0	20.0
d. Sức cản (Newton)	< 10	10	25	50	75	-
d. Sức cản (Newton)	< 20	20	60	100	150	-

EN ISO 13997 (TDM-100 test)	A	B	C	D	E	F
e. Khả **năng** (**TDM 100**)	2	5	10	15	22	30

a. Khả **năng** chống **mài mòn:** Dựa **trên** số **chu kỳ** cần thiết để **chà xát** qua găng tay mẫ
b. Khả **năng** dựa **trên** số **chu kỳ** cần thiết để mẫ
c. Khả **năng** chống **xé:** Dựa **trên** lượng lực cần thiết để **xé** mẫ
d. Khả **năng** chống **xuyên** thủng: Dựa **trên** lực cần thiết để **xuyên** thủng mẫu có kích thước **tiêu** chu
e. Khả **năng** chống cắt **theo** thử nghiệm **TDM100:** dựa **trên** số **chu kỳ** cần thiết để cắt

ốc độ lưỡi dao **không đổi** qua mẫ

Khả **năng** chống **mài mòn cao**
Những chiếc găng tay này không bị mòn nhanh chóng. Chúng đáp ứng mức độ chống **mài mòn cao** nhất theo **EN388**.

ộ **bám phi** th ường
cao ướt, hay dính **bám** đặc biệt mà những chiếc găng tay này mang lạ

màn hình cảm ứng
Với **tính** năng **thông minh** hoặc máy tính bảng mà không cần thảo găng tay.